

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH**



HỒ SƠ 3 CÔNG KHAI - NĂM 2025
Theo Thông tư 90/2018/TT-BTC
Ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính

HỒ SƠ GỒM CÓ:

- 1. Biểu số 02: Công khai dự toán NSNN**
- 2. Biểu số 03: Thực hiện dự toán Thu - Chi NSNN**
- 3. Biểu số 04: Quyết toán Thu - Chi NSNN**

Số: 01 /QĐ-THCSNTB

Bình Hòa, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán Thu – Chi ngân sách nhà nước năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 15/06/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Thuận An về việc phê duyệt phương án và giao quyền tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp Trung học cơ sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2023 – 2025 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 9568/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thuận An về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng THCS Nguyễn Thái Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai Dự toán Thu – Chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Thái Bình (theo biểu mẫu đính kèm);

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận, viên chức và người lao động của Trường THCS Nguyễn Thái Bình tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phòng TC-KH (để báo cáo);
- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Thu Trang

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Tên đơn vị: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thái Bình

Mã chương: 622; Khoản: 073

Mã QHNS: 1113087



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số. QĐ./QĐ-THCSNTB ngày. Q2/01/2025

của Trường THCS Nguyễn Thái Bình)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao đầu năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.362.000.000
I	Số thu phí, lệ phí	2.362.000.000
1	Học phí	1.868.000.000
2	Căn tin	494.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.362.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.974.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.560.000.000
	- Chi cho con người	16.254.000.000
	- Chi hoạt động	2.306.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.414.000.000
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao đầu năm
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Số: 958 /QB-UBND

Thuận An, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND thành phố Thuận An về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình 1926/TTr-TCKH ngày 26/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho Trường THCS Nguyễn Thái Bình theo Dự toán chi tiết đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán năm 2025 được giao, đề nghị Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các chính sách, chế độ hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Thái Bình, Giám đốc Kho bạc nhà nước Thuận An và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025./.

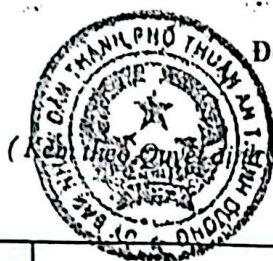
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT/

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Tâm



PHỤ LỤC SỐ 03
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025
Đơn vị: TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH
Mã chương: 622

Mã số đơn vị dự toán: 1113087

(Kính gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại địa phương số: 956/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND thành phố Thuận An)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Nội dung	Mã NVC	Khoản	Mã nguồn	Dự toán
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp NS các khoản phí, lệ phí & thu khác				
1	Số thu phí, lệ phí & thu SN				2.362
	- Học phí				1.868
	- Thu khác (căn tin, giữ xe)				494
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí & thu khác được để lại				2.362
	- Học phí				1.868
	- Thu khác (căn tin, giữ xe)				494
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				0
II	Dự toán chi cân đối NSNN				22.974
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	070	073		22.974
1.1	Kinh phí thường xuyên			13	18.560
	Trong đó:				
	- Chi cho con người			13	16.254
	- Chi hoạt động			13	2.306
1.2	Kinh phí không thường xuyên			12	4.414
	Trong đó đã bao gồm chi theo ND 81/2021/ND-CP.				

Ghi chú:

- Tổng số lao động được giao: 118 (BC: 109, HĐ CMNV: 05, HĐ 111 : 04)
Tổng số lao động có mặt: 105 (BC: 99, HĐ CMNV: 02, HĐ 111 : 04)
Tổng số học sinh có mặt: 3.460 học sinh
- Mức chi hoạt động :
 - + Biên chế : 27 triệu đồng/viên chức/năm.
 - + Hợp đồng CMNV: 24 triệu đồng/người/năm.
 - + Hợp đồng bảo vệ, phục vụ: 90 triệu đồng/người/năm.
 - + Chi cho hoạt động giảng dạy và học tập : 400.000 đồng/học sinh/năm

Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Thái Bình
Chương: 622; Loại: 073

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Hoà, ngày 05 tháng 01 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trường THCS Nguyễn Thái Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 1 năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.362.000.000	1.103.402.265		
I	Số thu phí, lệ phí	2.362.000.000	650.056.268		
1	Lệ phí				
	Học phí	1.868.000.000	650.000.000		
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Căn tin - Giữ xe	494.000.000	56.268		
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		1.103.402.265		
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.103.402.265		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.974.000.000	4.455.351.674		
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.974.000.000	4.455.351.674		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.974.000.000	4.455.351.674		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.560.000.000	4.192.185.674		
6000	Tiền lương		2.370.226.895		
1	Lương ngạch bậc		2.273.398.895		
51	Lương hợp đồng		32.736.000		
51	Khoản Bảo vệ - Phục vụ		64.092.000		
6100	Phụ cấp		977.875.945		
1	Chức vụ		25.493.130		
12	Ưu đãi		671.842.124		
13	Trách nhiệm		648.000		
15	Thâm niên		279.892.691		
6200	Phúc lợi tập thể		2.500.000		
99	Chi khác		2.500.000		
6300	Các khoản đóng góp		673.602.046		
1	BHXXH 17,5%		501.618.545		
2	BHYT 3%		85.991.750		
3	KPCĐ 2%		57.327.834		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực h. 1/2025 nay cùng kỳ năm t (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4	BHTN 1%		28.663.917		
6400	Thanh toán cá nhân		-		
6500	Dịch vụ công cộng		39.805.788		
1	Điện		39.805.788		
6550	Vật tư văn phòng		-		
6600	Thông tin liên lạc		0		
6650	Hội nghị		0		
6700	Công tác phí		4.500.000		
4	Khoản CTP		4.500.000		
6750	Chi phí thuê mướn		0		
6900	Sửa chữa thường xuyên		0		
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên ôn		0		
56	Các thiết bị công nghệ thông tin				
7000	Chi phí NVCM		123.675.000		
12	CP Nghiệp vụ chuyên ngành		24.600.000		
49	Chi khác (Học sinh)		99.075.000		
7050	Mua sắm tài sản vô hình		-		
7750	Chi khác		-		
7950	Chi lập quỹ của đơn vị		0		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.414.000.000	263.166.000		
6100	Phụ cấp		0		
6400	Các khoản thanh toán cá nhân		53.166.000		
49	Trợ cấp, phụ cấp khác		53.166.000		
	Nhà trọ		24.570.000		
	Hỗ trợ bảo vệ		3.600.000		
	Hỗ trợ phục vụ		3.000.000		
	Thạc sỹ		21.060.000		
	Thư viện		936.000		
6550	Vật tư văn phòng		-		
6750	Chi phí thuê mướn		-		
7000	Chi phí NVCM		-		
7750	Chi khác		210.000.000		
99	Tiền tết		210.000.000		
8000	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm		-		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				

Ước thực hiện
1/2025 nay so với
cùng kỳ năm trước
(tỷ lệ %)

	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Kế toán

Đỗ Bá Tuấn

Bình Hòa, ngày 03 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)
TRUNG HỌC
CƠ SỞ
NGUYỄN THÁI BÌNH

Huỳnh Thị Thu Trang



Đơn vị: TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH
Chương: 622; KHOẢN: 073; QHNS: 1113087

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I/2025

(Kèm theo Quyết định số: .../.../QĐ- THCS NTB ngày.../.../2025 của Trường THCS Nguyễn Thái Bình)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	650.056.268	650.056.268	-	
1	- Học phí	650.000.000	650.000.000	-	
2	- Căn tin	56.268	56.268	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	1.103.402.265	1.103.402.265	-	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.103.402.265	1.103.402.265	-	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	-	
1	- Học phí			-	
2	- Căn tin			-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	4.455.351.674	4.455.351.674	-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.455.351.674	4.455.351.674	-	
1	Chi quản lý hành chính			-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.455.351.674	4.455.351.674	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.192.185.674	4.192.185.674	-	
6000	Tiền lương	2.370.226.895	2.370.226.895	-	
1	Lương ngạch bậc	2.273.398.895	2.273.398.895	-	
51	Lương hợp đồng	32.736.000	32.736.000	-	
51	Khoản Bảo vệ - Phục vụ	64.092.000	64.092.000	-	
6100	Phụ cấp	977.875.945	977.875.945	-	
1	Chức vụ	25.493.130	25.493.130	-	
12	Ưu đãi	671.842.124	671.842.124	-	
13	Trách nhiệm	648.000	648.000	-	
15	Thăm niên	279.892.691	279.892.691	-	
6200	Phúc lợi tập thể	2.500.000	2.500.000	-	
99	Chi khác	2.500.000	2.500.000	-	
6300	Các khoản đóng góp	673.602.046	673.602.046	-	
1	BHXXH 17,5%	501.618.545	501.618.545	-	
2	BHYYT 3%	85.991.750	85.991.750	-	
3	KPCD 2%	57.327.834	57.327.834	-	
4	BHTN 1%	28.663.917	28.663.917	-	
6400	Thanh toán cá nhân	-	-	-	
6500	Dịch vụ công cộng	39.805.788	39.805.788	-	
1	Điện	39.805.788	39.805.788	-	
6550	Vật tư văn phòng	-	-	-	
6600	Thông tin liên lạc	0	0	-	
6650	Hội nghị	0	0	-	
6700	Công tác phí	4.500.000	4.500.000	-	
4	Khoản CTP	4.500.000	4.500.000	-	
6750	Chi phí thuê mượn	0	0	-	
6900	Sửa chữa thường xuyên	0	0	-	
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên ôn	0	0	-	
7000	Chi phí NVCM	123.675.000	123.675.000	-	
12	CP Nghiệp vụ chuyên ngành	24.600.000	24.600.000	-	
49	Chi khác (Học sinh)	99.075.000	99.075.000	-	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
7050	Mua sắm tài sản vô hình	-	-	-	
7750	Chi khác	-	-	-	
7950	Chi lập quỹ của đơn vị			-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	263.166.000	263.166.000	-	
6100	Phụ cấp	0	0	-	
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	53.166.000	53.166.000	-	
49	Trợ cấp, phụ cấp khác	53.166.000	53.166.000	-	
	Nhà trọ	24.570.000	24.570.000	-	
	Hỗ trợ bảo vệ	3.600.000	3.600.000	-	
	Hỗ trợ phục vụ	3.000.000	3.000.000	-	
	Thạc sỹ	21.060.000	21.060.000	-	
	Thư viện	936.000	936.000	-	
6550	Vật tư văn phòng	-	-	-	
6750	Chi phí thuê mướn	-	-	-	
7000	Chi phí NVCM	-	-	-	
7750	Chi khác	210.000.000	210.000.000	-	
99	Tiền tết	210.000.000	210.000.000	-	
8000	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm		-	-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	
5	Chi bảo đảm xã hội			-	
6	Chi hoạt động kinh tế			-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	
II	Nguồn vốn viện trợ			-	
1	Chi quản lý hành chính			-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	
5	Chi bảo đảm xã hội			-	
6	Chi hoạt động kinh tế			-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			-	
1	Chi quản lý hành chính			-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	
5	Chi bảo đảm xã hội			-	
6	Chi hoạt động kinh tế			-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	

Kế toán


Đỗ Bá Tuấn

Bình Hòa, ngày 14 tháng 07 năm 2025

